TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HSPT
Ngày 12 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm
Ông Phạm Đình Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 924/2023/TLPT-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nông Thị L, do có kháng cáo của bị cáo và của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Nông Thị L, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1993 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú: Tổ I, K, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở: thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Hoàng Thị T1; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: (1) ngày 01/3/2022 bị Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 5.000.000 đồng về hành vi sử dụng chứng minh nhân dân giả, (2) ngày 01/3/2022 bị Công an phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giam từ ngày 02/8/2022 (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại có kháng cáo: Bà Lăng Thị À, sinh năm 1975; trú tại: thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

1. Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

2. Ông Triệu Quang H, Luật sư của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị và 02 người tham gia tố tụng khác (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Lăng Thị À có quan hệ thân thiết với gia đình bà Hoàng Thị T1 (là mẹ đẻ của Nông Thị L). Từ tháng 6/2017 đến tháng 02/2022, Nông Thị L đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lăng Thị À với tổng số tiền 1.374.171.000 đồng thông qua hình thức xin cho con trai bà Lăng Thị À là Hoàng Minh Q vào học trường Công an và nhận hộ bà Lăng Thị À hộp quà trong đó có chứa 50.000 USD do một người có tên tài khoản Facebook là "JOHN BENJAMIN" gửi cho bà Lăng Thị À, cụ thể:

1.1. Nông Thị L chiếm đoạt tiền của bà Lăng Thị À thông qua hình thức xin cho Hoàng Minh Q vào học tại Học viện C:

Khoảng đầu năm 2017, con trai bà Lăng Thị À là Hoàng Minh Q chuẩn bị tốt nghiệp lớp 12; bà À hỏi Nông Thị L có mối quan hệ nào xin cho Hoàng Minh Q vào học trường Công an được không, L nói để xem đã. Sau đó do cần tiền để tiêu sài cá nhân, L đã đưa ra thông tin gian dối với bà À là bản thân đang làm việc tại Hà Nội có nhiều mối quan hệ quen biết có thể xin cho Q vào học tại Học viện C với tổng chi phí khoảng 700.000.000 đồng (mức chi phí này do L tự tìm hiểu trên mạng internet) và phải đưa tiền trước để L mang đi đặt cọc, bà À đồng ý. Đến tháng 6/2017, tại nhà Nông Thị Loan, bà À đưa cho L số tiền 60.000.000 đồng để đặt cọc. Sau khi nhận tiền, L đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Ngày 28/6/2017, lấy lý do phải đưa tiền cho người nhận hồ sơ, L yêu cầu bà À chuyển số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 711A57051134 (sau này được đổi thành tài khoản số 107006063448) của Nông Thị L mở tại Ngân hàng TMCP C1 Chi nhánh L4 (V2). Để tạo thêm sự tin tưởng, L gọi điện bảo Hoàng Minh Q đến Công an tỉnh L mua hồ sơ về khai theo mẫu, dán ảnh, khám sức khỏe xong đưa cho L, L nhận và đem xuống Hà Nội cất tại phòng trọ, hiện không nhớ để ở đâu.

Khoảng tháng 11/2019 để bà À và Q tin tưởng, Nông Thị L tự lập 02 tài khoản gmail: một tài khoản có địa chỉ thuydang8866@gmail.comkhoản có địa chỉ

vandinh1674@gmail.commột người tên Đinh Vạn l ở bộ phận tuyển sinh các trường Công an, giới thiệu là bạn của Nông Thị L, nói chuyện với Hoàng Minh Q bằng hình thức nhắn tin vào tài khoản gmail minhquang090199@gmail.comthông tin cá nhân, số đo quần áo, giày dép để đăng ký lấy hộ, hướng dẫn cách nộp hồ sơ, làm thủ tục nhập học và nhiều nội dung khác. Sau đó, L lên mạng xã hội Facebook tìm mua trang phục ngành Công an và đã đặt mua 01 bộ đầy đủ với giá 700.000 đồng, L gửi cho người bán tên "Hoàng Minh Q" để in trên áo và địa chỉ của Q để gửi hàng; đồng thời L thông báo cho Q biết đã xin được cho Q vào học tại Học viện C và sẽ gửi trang phục học viên của trường để chuẩn bị đi nhập học. Sau khi Q nhận được trang phục gồm 01 bộ quần áo, 01 đôi giày, 01 mũ, 01 đôi tất và 01 bộ ve hàm thì L tiếp tục đưa ra rất nhiều lý do khác nhau như cần phải lót tay cho người xin học, lo chạy hồ sơ, chi phí cho những người có liên quan để yêu cầu bà À chuyển tiền.

Từ ngày 03/7/2017 đến ngày 21/01/2021, bà Lăng Thị À đã 51 lần chuyển tiền cho Nông Thị L với tổng số tiền 529.450.000 đồng, trong đó chuyển vào tài khoản của L là 406.450.000 đồng. Ngoài ra, L còn cung cấp số tài khoản số 0021000386275 của Ngô Thị M (là người cho L thuê phòng trọ) mở tại Ngân hàng TMCP N Chi nhánh H5 (V3) để bà À chuyển tiền vào với lý do tài khoản của L đang bị lỗi, không sử dụng được. Từ ngày 05/02/2018 đến ngày 04/7/2019, bà À đã chuyển vào tài khoản của Ngô Thị M với tổng số tiền 123.000.000 đồng. Sau đó do cần tiền để trả nợ, bà À đã yêu cầu L chuyển trả lại tiền nên từ ngày 24/4/2018 đến ngày 02/11/2018 L đã sử dụng tài khoản của Ngô Thị M chuyển trả lại tổng số tiền 51.000.000 đồng vào tài khoản 0991000039484 của Hoàng Minh Q và tài khoản số 0981000408010 của bà Lăng Thị À mở tại Ngân hàng V3.

Đến khoảng đầu năm 2021, L nói với bà À là Công an xác minh lý lịch của Q không đạt tiêu chuẩn nên không được nhập học, L sẽ có trách nhiệm đòi lại tiền từ người nhận xin học cho Q để trả lại cho bà À và nói với Q là không được đi học thì hủy hết trang phục Công an đi. Sau đó, Q đã đem đốt, chỉ còn sót lại áo và giày do bà À cất trong tủ riêng.

Tổng cộng, bà Lăng Thị À đã chuyển cho Nông Thị L tổng số tiền 629.450.000 đồng để xin cho Hoàng Minh Q vào học trường Công an, L đã chuyển trả lại cho bà À số tiền 51.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt tổng số tiền 578.450.000 đồng. Số tiền này, L đã chuyển vào tài khoản số 103871418967 mở tại Ngân hàng V4 của Trần Thị Thủy T2 (là người có quan hệ tình cảm và sống cùng L) 29.000.000 đồng, chơi game online và sử dụng vào mục đích cá nhân 549.450.000 đồng.

1.2. Nông Thị L chiếm đoạt tiền của bà Lăng Thị À thông qua việc lợi dụng bà À bị lừa đảo qua mạng:

Khoảng tháng 01/2021, trong khi đang sử dụng tài khoản Facebook “Lạng Su” thì có một tài khoản tên “JOHN BENJAMIN” nhắn tin cho bà Lăng Thị À bằng tiếng Việt. Qua nói chuyện, bà À tâm sự hoàn cảnh gia đình khó khăn, sức khỏe ốm yếu, người này nói sẽ tặng bà À số tiền 50.000 USD để trang trải cuộc sống. Sau đó,

người này gửi cho bà À nhiều hình ảnh thể hiện rất nhiều tiền Đô la Mỹ được đựng trong thùng giấy các tông, tên và số điện thoại của bà À được dán trên thùng, thùng hàng sẽ được gửi về sân bay N trong vòng 24 giờ và bà À phải nộp số tiền 24.000.000 đồng để nhận, nếu không nộp tiền thùng hàng sẽ được gửi cho người khác. Bà À đã gọi điện kể cho L nghe và L nói sẽ liên hệ với người này xem có đúng không. Biết bà À bị lừa nên L đã nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt tiền của bà À, L nói với bà À đưa tiền để ra sân bay N kiểm tra, nếu có sẽ đóng tiền để lấy thùng hàng về, còn không thì mang tiền trả lại cho bà À. Do tin tưởng nên bà À đã đưa tiền để L đứng ra giúp thực hiện thủ tục lấy tiền.

Ngày 22/01/2021, bà À đã chuyển vào tài khoản số 107006063448 của L số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và tiếp tục nói dối bà À là có thùng quà nhưng phải làm nhiều thủ tục. Sau đó cứ vài ngày, L lại nghĩ ra lý do yêu cầu bà À chuyển tiền. Để củng cố niềm tin, L nói dối bà À là số tiền 50.000 USD đã được chuyển về Lạng Sơn nhưng hiện đang bị giữ tại kho bạc tỉnh. Tiếp theo, L sử dụng nhiều số điện thoại khác nhau để mạo danh nhiều người nói chuyện với bà À và giới thiệu đây là những người giúp bà À lấy tiền, cụ thể: L sử dụng số điện thoại 0528475399 lập một tài khoản zalo có tên "Im Ok" giới thiệu là bạn của L tên Bùi Ngân V (Minh V1) hiện đang làm việc tại Công an H6; sử dụng số điện thoại 0342579285 giới thiệu là bạn của Bùi Ngân V tên "Q1" đang công tác tại Công an tỉnh L; sử dụng nhiều tên giả khác như "H1" làm việc tại Tỉnh ủy L5, "Trường" công tác tại Kho bạc, "H2" là Công chứng viên của Văn phòng C2 tỉnh Lạng Sơn. Để tránh bị bà À phát hiện, L chỉ liên lạc bằng hình thức nhắn tin, không gọi điện trực tiếp.

Ngày 24/4/2021, Nông Thị L sử dụng số điện thoại 0528475399 nhắn tin cho bà À với lý do cần tiền "hối lộ" Thư ký Tòa án và yêu cầu chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản số 46010003663210 mang tên Nguyễn Thị T3 (mẹ của Trần Thị Thủy T2) mở tại Ngân hàng Đ (B). Tuy nhiên, do không biết Nguyễn Thị T3 là ai nên bà À không chuyển tiền và chỉ đồng ý chuyển tiền vào tài khoản của Nông Thị L.

Ngoài ra, L còn nói với bà À là thông qua "Q1", "V" nên L biết "H1" làm việc tại Tỉnh ủy Lạng Sơn, người này sẽ giúp bà À lấy tiền tại Kho bạc, hiện "H1" đang bán nhà và có thể cho bà À vay một nửa số tiền để lo chi phí lấy tiền. Để thực hiện mục đích, ngày 08/11/2021 L nhờ một người không rõ lai lịch viết giấy ủy quyền lĩnh tiền bán nhà giữa Nguyễn Mạnh H3 và Lăng Thị À, trong đó số Chứng minh nhân dân 082110366 cấp ngày 07/4/2007 trên giấy ủy quyền là do L tìm trên mạng. Sau đó, L chụp lại giấy ủy quyền rồi tìm trên mạng dấu chứng thực sao y đề ngày 09/11/2021, hình dấu tròn của Văn phòng C2 Lạng Sơn cùng chữ ký, tên của Công chứng viên Trần Minh H4 và sử dụng phần mềm cắt ghép dán vào giấy ủy quyền; chỉnh sửa xong, L chụp lại và gửi cho bà À. Ngoài làm giấy ủy quyền giả, ngày 06/12/2021 L còn nhờ viết giấy cam kết "H3" cho phép bà À toàn quyền trong việc lĩnh tiền bán nhà để làm tin và yêu cầu bà À nộp nhiều khoản tiền khác nhau để làm thủ tục công chứng.

Từ ngày 22/01/2021 đến ngày 23/02/2022, bà Lăng Thị À đã thực hiện 104 giao dịch chuyển tiền vào tài khoản số 107006063448 của Nông Thị L, với tổng số tiền 795.721.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L chuyển 135.100.000 đồng vào tài khoản số 351100000431565 của bà Hoàng Thị T1 mở tại Ngân hàng B và chuyển 94.930.000 đồng vào tài khoản số 103871418967 của Trần Thị Thủy T2 nhưng không nói cho Hoàng Thị T1 và Trần Thị Thủy T2 biết về nguồn gốc số tiền; số tiền còn lại L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bà Lăng Thị À gửi đơn tố giác đến cơ quan Công an về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nông Thị L, bà Hoàng Thị T1 đã thay Nông Thị L trả cho bà Lăng Thị À số tiền 85.000.000 đồng.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nông Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nông Thị L 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/8/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại; nghĩa vụ bị cáo phải chịu lãi suất trong trường hợp chậm thi hành án về khoản tiền bồi thường; xử lý vật chứng; án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm; phổ biến về thủ tục thi hành bản án phần trách nhiệm dân sự, quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo:

3.1. Ngày 27/7/2023, bị hại là bà Lăng Thị À có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo mức hình phạt nhẹ, không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tình tiết tăng nặng, không khắc phục hậu quả. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nông Thị L.

Ngày 10/8/2023, bà Lăng Thị À có đơn bổ sung nội dung kháng cáo cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm bỏ lọt hành vi phạm tội của bà Hoàng Thị T1 (là mẹ bị cáo Nông Thị L); sau khi vụ án bị phát hiện gia đình bị cáo mới trả được cho bà hơn 80 triệu đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không thỏa đáng và chưa áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm quy kết bà Hoàng Thị T1 là đồng phạm với bị cáo và tăng hình phạt đối với bị cáo Nông Thị L đến 15 năm tù.

3.2. Ngày 31/7/2023, bị cáo Nông Thị L có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo bị xử phạt 13 năm tù là hơi cao; do hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn nên bị cáo

phạm tội; bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm, đã xin bị hại tha thứ và rất mong muốn được bị hại cho trả dần số tiền đã chiếm đoạt; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai báo thành khẩn. Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về chăm sóc cha mẹ và lao động để có tiền trả lại cho bị hại. Tuy nhiên, đến ngày 03/01/2024 bị cáo Nông Thị L viết đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo (Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà nội nhận được ngày 09/01/2014).

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Nông Thị L giữ nguyên đơn xin rút đơn kháng cáo.

4.2. Bị hại bà Lăng Thị À giữ nguyên đơn kháng cáo.

4.3. Các Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà À trình bày ý kiến:

Luật sư Triệu Quang H trình bày: Bà À chuyển tiền vào tài khoản của bà T1 và bị cáo L cũng chuyển tiền chiếm đoạt của bà À cho bà T1 sử dụng. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo L 13 năm tù là có phần nhẹ, chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, thủ đoạn của bị cáo là chủ đích, nghiêm trọng, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo lên 15 năm tù. Số tiền gia đình bị cáo trả cho bị hại là quá ít, không được tính là một tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hành vi đồng phạm của bà Hoàng Thị T1.

Luật sư Hoàng Thị Kim K trình bày: Bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, chiếm đoạt số tiền hơn 1,3 tỷ đồng nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 13 năm tù là quá nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung. Bà Hoàng Thị T1 đã có hành vi giúp sức cho bị cáo L lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Lăng Thị À. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra hành vi đồng phạm của bà Hoàng Thị T1. Trường hợp không đủ căn cứ để hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo từ 16 đến 18 năm tù.

4.4. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ bị cáo, bị hại có kháng cáo và những người có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo nhưng Luật sư bào chữa cho bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo L tự nguyện xin rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm

đối với kháng cáo của bị cáo L và chỉ tiến hành xét xử đối với kháng cáo của bị hại bà Lăng Thị À.

Về nội dung: Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định xử phạt bị cáo Nông Thị L 13 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà Lăng Thị À kháng cáo cho là Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là không thỏa đáng và chưa áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, từ đó yêu cầu áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trên để tăng hình phạt đối với bị cáo đến 15 năm tù. Xét thấy: tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo cùng mẹ đã bồi thường cho bị hại số tiền 85 triệu đồng, bị cáo có cha mẹ, ông nội được tặng thưởng huân chương nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chính xác. Về tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, do Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong bản án nhưng sau đó đã có thông báo sửa chữa, bổ sung vào bản án tình tiết này. Đối với bà Hoàng Thị T1 (là mẹ bị cáo L), quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm chưa có đủ căn cứ để xác định bà T1 đồng phạm với bị cáo L; tại phiên tòa phúc thẩm, bà À và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà À cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới làm cơ sở xác định bà T1 đồng phạm với L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà À. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Lăng Thị À và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nông Thị L xin rút toàn bộ kháng cáo. Căn cứ vào quy định tại các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nông Thị L.

[2] Xét kháng cáo của bà Lăng Thị À thì thấy:

[2.1] Về việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo:

Tại Bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nhưng tại phần quyết định của Bản án lại ghi sót tình tiết này. Sau khi phát hiện ra sai sót, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 26/2023/TB-TA ngày 03/8/2023 về việc sửa chữa, bổ sung bản án. Theo đó, đã bổ sung vào phần quyết định của bản án: "áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự" là đúng quy định tại Điều 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo và mẹ đã bồi thường cho bị hại được 85.000.000 đồng; bố mẹ của bị cáo được Bộ X tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp xây dựng; có ông nội là Nông Trần Độ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì là đúng với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã áp dụng cho bị cáo được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

Về mức hình phạt: Theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự, khoản 4 có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Trên cơ sở đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc và quyết định xử phạt bị cáo Nông Thị L 13 năm tù là hoàn toàn phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lăng Thị À và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà À không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới để chứng minh cho kháng cáo của bà À về nội dung áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nội dung cho rằng bà Hoàng Thị T1 có dấu hiệu là đồng phạm với bị cáo Nông Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", xét thấy:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Lạng Sơn đã xác định: Năm 2021, Nông Thị L đã nhiều lần chuyển tiền cho bà Hoàng Thị T1 để trả nợ và chi tiêu cho gia đình; bản thân bà Hoàng Thị T1 được nghe Nông Thị L kể việc xin học cho con trai bà Lăng Thị À và giúp bà Lăng Thị À nhận tiền của người nước ngoài gửi về, nhưng bà T1 không biết cụ thể sự việc nên bà Hoàng Thị T1 không đồng phạm với Nông Thị L. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà À và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà À cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới làm cơ sở xác định bà T1 đồng phạm với bị cáo L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà À. Do đó, nội dung kháng cáo của bà À và ý kiến của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà À cho rằng bà Hoàng Thị T1 có dấu hiệu là đồng phạm với bị cáo L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có đủ căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy vậy, để tránh bỏ lọt tội phạm thì trường hợp bà À có tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà Hoàng Thị T1 đồng phạm với Nông Thị L thì bà có quyền và nghĩa vụ cung cấp cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do bị cáo rút toàn bộ kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nông Thị L.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Lăng Thị À; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phần áp dụng pháp luật và hình phạt đối với bị cáo Nông Thị L:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Nông Thị L 13 (mười ba) năm tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02/8/2022.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại; nghĩa vụ bị cáo phải chịu lãi suất trong trường hợp chậm thi hành án về khoản tiền bồi thường; xử lý vật chứng; án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thủ tục thi hành bản án về phần trách nhiệm dân sự được thực hiện theo hướng dẫn tại Bản án sơ thẩm.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nông Thị L không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án (ngày 12 tháng 01 năm 2024).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người BVQL của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền